BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36/2016/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thù lao đối với người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật trong các dự án thăm dò khai thác dầu khí

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Thực hiện văn bản 9453/VPCP-KTTH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về việc tiền lương đối với viên chức quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thù lao đối với người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật trong các dự án thăm dò khai thác dầu khí.

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn xác định quỹ thù lao kế hoạch, quỹ thù lao thực hiện và chi trả thù lao đối với người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật trong các dự án thăm dò khai thác dầu khí do Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí quản lý, điều hành ở trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là dự án).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng (không bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí làm việc theo hợp đồng lao động) thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật sau đây:

a) Đánh giá tiềm năng tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí, triển khai các công tác địa chất địa vật lý, quyết định lựa chọn vị trí giếng khoan tối ưu, áp dụng các phương pháp công nghệ khoan và khai thác phù hợp;

b) Đánh giá, phân tích các thủ tục thương mại, thông số kinh tế, tài chính, kỹ thuật và các yếu tố rủi ro pháp lý của dự án;

c) Theo dõi, rà soát quá trình triển khai dự án, xác định nguyên nhân, đề ra giải pháp kịp thời để hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo hiệu quả kinh tế dự án.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc xác định thù lao

1. Người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật phải được Hội đồng thành viên Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí cử và ghi trong Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí.

2.Thù lao của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được xác định và chi trả gắn với khối lượng công việc và thời gian mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn kỹ thuật.

3. Quỹ thù lao của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được xác định theo năm trên cơ sở số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật và mức thù lao gắn với số lượng dự án. Quỹ thù lao của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động và quỹ tiền lương của người quản lý và tối đa không vượt quá 01 lần quỹ tiền lương của người quản lý được hưởng trong năm theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Nghị định số 52/2016/NĐ-CP).

4. Quỹ thù lao của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí.

Mục 2
QUỸ THÙ LAO KẾ HOẠCH, QUỸ THÙ LAO THỰC HIỆN, CHI TRẢ THÙ LAO

Điều 4. Quỹ thù lao kế hoạch

1. Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được xác định trên cơ sở số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân kế hoạch và mức thù

lao bình quân kế hoạch của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật trong năm theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân kế hoạch trong năm được xác định theo công thức sau:

$$N_{kh} = \frac{\sum_{i=1}^{12} N_{kh(i)}}{12} \qquad (1)$$

Trong đó:

N_{kh}: Số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân kế hoạch trong năm.

$N_{kh(i)}$: Số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân kế hoạch của tháng thứ i trong năm.

2. Mức thù lao bình quân kế hoạch của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được xác định theo số lượng dự án mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân kế hoạch trong năm như sau:

Số lượng dự án bình quân kế hoạch trong năm (P_{kh})	Mức thù lao bình quân kế hoạch tối đa *(% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch trong năm của người quản lý quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP)*
Từ 35 trở lên	100
Từ 30 đến34	95
Từ 25 đến 29	90
Từ 20 đến24	80
Từ 15 đến 19	65
Từ 10 đến14	50
Từ 01 đến 09	30

Số lượng dự án bình quân kế hoạch trong năm được xác định theo công thức sau:

$$P_{kh} = \frac{\sum_{i=1}^{12} P_{kh(i)}}{12} \qquad (2)$$

Trong đó:

P_{kh}: Số dự án mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân kế hoạch trong năm.

$P_{kh(i)}$: Số dự án mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân kế hoạch của tháng thứ i trong năm.

Điều 5. Tạm ứng thù lao

Căn cứ vào quỹ thù lao kế hoạch, dự kiến mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý trong năm theo quy định tại Nghịđịnh số 52/2016/NĐ-CP (gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm), Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí tạm ứng quỹ thù lao để trả cho người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật. Mức tạm ứng quỹ thù lao do Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí quyết định nhưng tối đa không vượt quá 80% quỹ thù lao kế hoạch trong năm.

Điều 6. Quỹ thù lao thực hiện

1. Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được xác định trên cơ sở số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân thực hiện và mức thù lao bình quân thực hiện của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật trong năm.

Số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân thực hiện trong năm được xác định theo công thức sau:

$$N_{th} = \frac{\sum_{i=1}^{12} N_{th(i)}}{12} \qquad (3)$$

Trong đó:

N_{th}: Số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân thực hiện trong năm.

$N_{th(i)}$: Số người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân thực hiện của tháng thứ i trong năm.

2. Mức thù lao bình quân thực hiện của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được xác định theo số lượng dự án mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân thực hiện trong năm như sau:

a) Số dự án bình quân thực hiện trong năm bằng số lượng dự án bình quân kế hoạch thì mức thù lao bình quân thực hiện được xác định tối đa bằng mức thù lao bình quân kế hoạch;

b) Số dự án bình quân thực hiện trong năm tăng (hoặc giảm) so với số dự án bình quân kế hoạch nhưng vẫn nằm trong khoảng số lượng dự án bình quân có cùng mức thù lao bình quân kế hoạch tối đa đã xác định khi xây dựng kế hoạch thì mức thù lao bình quân thực hiện được xác định tối đa bằng mức thù lao bình quân kế hoạch;

c) Số dự án bình quân thực hiện trong năm tăng (hoặc giảm) so với số dự án bình quân kế hoạch nhưng không nằm trong khoảng số lượng dự án bình quân có

cùng mức thù lao bình quân kế hoạch tối đa đã xác định khi xây dựng kế hoạch thì mức thù lao bình quân thực hiện phải điều chỉnh tăng (hoặc giảm) tương ứng với số dự án bình quân thực hiện trong năm so với kế hoạch và mức thù lao bình quân thực hiện không được vượt quá mức thù lao bình quân tối đa tương ứng với số dự án bình quân thực hiện trong năm theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Số lượng dự án bình quân thực hiện trong năm được xác định theo công thức sau:

$$P_{th} = \frac{\sum_{i=1}^{12} P_{th(i)}}{12} \qquad (4)$$

Trong đó:

P_{th}: Số dự án mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân thực hiệntrong năm.

$P_{th(i)}$: Số dự án mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật bình quân thực hiện của tháng thứ i trong năm.

3. Căn cứ quỹ thù lao thực hiện được hưởng và mức thù lao đã tạm ứng cho người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí xác định phần thù lao còn lại của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật; trường hợp đã tạm ứng vượt quỹ thù lao thực hiện được hưởng thì người quản lý phải hoàn trả phần thù lao đã tạm ứng vượt ngay trong năm.

Điều 7. Chi trả thù lao

1. Việc chi trả thù lao cho người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật được thực hiện theo quy chế chi trả thù lao của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí.

2. Quy chế chi trả thù lao do Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí xây dựng phải gắn với khối lượng công việc, thời gian mà người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn kỹ thuật; bảo đảm quy định của pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch và có ý kiến chấp thuận của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trước khi thực hiện.

Mục 3
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí:

a) Quý I hàng năm, phê duyệt danh sách người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn kỹ thuật trong các dự án thăm dò khai thác dầu khí

trong năm; xây dựng quỹ thù lao kế hoạch, quỹ thù lao thực hiện của năm trước liền kề của người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật (cùng với xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm trước liền kề của người quản lý theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP) trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt;

b) Xây dựng quy chế chi trả thù lao đối với người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật, báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho ý kiến trước khi thực hiện. Quy chế chi trả thù lao sau khi ban hành được gửi tới Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi;

c) Tạm ứng, chi trả thù lao cho người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật theo quy định tại Thông tư này và quy chế chi trả thù lao đối với người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;

d) Quý II hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện chi trả thù lao năm trước liền kề của từng người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật để báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đồng thời gửi Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

2. Kiểm soát viên của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí theo quy định tại Thông tư này;

b) Kiến nghị với Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí hoặc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khi phát hiện thấy Tổng công ty thực hiện không đúng với quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Trách nhiệm của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định về thù lao đối với người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật theo quy định tại Thông tư này.

2. Cho ý kiến về quy chế chi trả thù lao của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí đối với người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật.

3. Quý I hàng năm, tiếp nhận và xem xét, phê duyệt quỹ thù lao thực hiện năm trước và quỹ thù lao kế hoạch của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí đối với người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật; gửi Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi.

4. Kiểm tra, giám sát Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí việc thực hiện các quy định về thù lao đối với người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Tiếp nhận báo cáo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quỹ thù lao kế hoạch, quỹ thù lao thực hiện và quy chế chi trả thù lao của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí đối với người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật.

2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thù lao đối với người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tiếp nhận báo cáo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt quỹ thù lao kế hoạch, quỹ thù lao thực hiện và quy chế chi trả thù lao của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí đối với người quản lý thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thù lao đối với người quản lý của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thực hiện công việc chuyên gia, cố vấn chuyên môn, kỹ thuật quy định tại Thông tư này.

Mục 4
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2016. Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn, bổ sung kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung